

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 02 - 2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Bích Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Chiêu**
Bà **Đỗ Thị Hòa**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST- HNGĐ ngày 22/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Ngọc M**, sinh năm 1987
Địa chỉ: Phòng 707, CT04 Chung cư Bộ Công an, số 43 Phạm Văn Đồng, phường CN 2, Quận BT L, Thành phố Hà Nội; có mặt
- *Bị đơn:* Anh **Bùi Đức S**, sinh năm 1978
Địa chỉ: Cùm 1, xã SC, huyện PT, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai tiếp theo tại Tòa án, chị **Trần Thị Ngọc M** trình bày: Chị và anh **Bùi Đức S** là người quê quán xã SC, huyện PT, Thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã TK, huyện T S, tỉnh PT. Thời gian này gia đình anh S đang sinh sống tại xã TK, huyện TS, tỉnh PT. Việc đăng ký kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục, chị và anh S thuê nhà ở Hà Nội để tiện cho công việc làm ăn. Quá trình sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không có việc làm nên thường chơi bời lêu lổng và ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Nều nên năm 2014 anh S đã Nều lần mang xe máy của chị đi cầm lấy tiền đánh bạc và rất Nều lần chị phải đi chuộc về nhưng anh S không thay đổi mà tiếp tục lấy điện thoại của chị đi cầm. Sau đó, có Nều người đến nhà tìm anh S để đòi nợ. Mặc dù, đã N

ều lần chị khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi. Do không chịu được cảnh bị mọi người đến nhà đòi nợ, chị đã phải thuê nhà khác để ở nhưng anh S vẫn không thay đổi mà ngày càng vay nợ N ều hơn. Vì vậy, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, có N ều lần anh S đe dọa tính mạng và đánh đập chị nên lần cuối cùng vào khoảng tháng 7 năm 2016 anh S đi chơi về muộn, chị không mở cửa cho anh S vào nhà nên từ đó anh S về sống chung cùng bố mẹ đẻ tại Cụm 1, xã SC, huyện PT. Tuy N ên, thỉnh thoảng anh S vẫn xuống nơi chị ở để hành hung đánh đập chị trước mặt bảo vệ tòa nhà nơi chị ở và có rất N ều người hàng xóm ở đây đều biết. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết nhanh chóng cho chị được ly hôn anh S để chị yên tâm làm ăn, không bị ngược đãi đánh đập và chị ổn định cuộc sống để chăm sóc nuôi dạy các con. Hiện nay, anh S đang sống chung cùng bố mẹ đẻ tại Cụm 1, xã SC, huyện PT nhưng anh S không đến Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh S là gây khó khăn cho chị nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Bùi Đức Huy H , sinh ngày 23/8/2013 và Bùi Yến N , sinh ngày 22/6/2015. Hiện nay cả 02 cháu đang sống chung cùng chị và chị cho cháu N học tại trường mầm non An Tiên, đường Tăng Thiết Giáp, phường CN, quận BTL, Thành phố Hà Nội, còn cháu H đang học lớp 1 trường tiểu học CN2B quận BTL, Thành phố Hà Nội. Cuộc sống của các cháu đều ổn định và rất tốt. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay anh S không có việc làm, không có thu nhập và thường xuyên vắng nhà. Bản thân chị hiện nay là Giám đốc Công ty TNHH xây dựng nội thất, hàng tháng chị có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi cả hai con.

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài việc xin ly hôn anh S và đề nghị được nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

Do anh Bùi Đức S không đến Tòa án nên Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hoà giải được.

- Tại Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ anh S, trình bày: Tháng 2 năm 2013 gia đình bà tổ chức cưới vợ cho con trai bà là Bùi Đức S lấy chị Trần Thị Ngọc M. Thời gian này gia đình bà đang sinh sống tại xã TK, huyện TS, tỉnh Phú Thọ, đến năm 2014 thì gia đình bà chuyển về quê ở tại Cụm 1, xã SC, huyện PT, Thành phố Hà Nội từ đó đến nay. Sau khi cưới, vợ chồng anh S, chị M thuê nhà ở tại Hà Nội để tiện cho công việc làm ăn. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng anh S, chị M hạnh phúc, đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh S nói thì do buổi tối anh S đi uống rượu về, chị M không mở cửa nên anh S phải đi ngủ nhờ nhà bạn, sau đó anh S đưa cháu Bùi Đức Huy H về nhà ở cùng vợ chồng bà. Cũng từ đó chị M không có lần nào về gia đình bà nữa. Như vậy, vợ chồng chị M sống ly thân nhau từ năm 2017. Đến nay chị M xin ly hôn anh S, quan điểm của bà cũng như cả gia đình bà đều thấy chị M không xứng đáng là con dâu của gia đình bà vì trong thời gian sống chung cùng anh S, chị M cư xử rất hỗn láo với anh S và bà. Cũng vì vậy mà có lần chồng bà bức tức đã định đến gặp bố mẹ đẻ chị M để nói chuyện về việc chị M không xứng đáng là dâu con trong gia đình bà. Vì những lý do đó bà thấy rằng việc chị M xin ly hôn anh S, gia đình bà không ai nuôi tiếc. Tuy nhiên, việc ly hôn là do vợ chồng anh S, chị M tự quyết định.

Về con chung: Vợ chồng chị M, anh S có 02 con chung là Bùi Đức Huy H, sinh ngày 23/8/2013 và Bùi Yến N, sinh ngày 22/6/2015. Hiện nay cả hai cháu đang sống chung cùng chị M vì từ tháng 9 năm 2019 anh S cho cháu H ở cùng chị M để tiện cho việc học tập của

cháu. Hiện nay anh S bán bảo hiểm ở Hà Nội, địa chỉ cụ thể như thế nào bà không biết, chỉ cuối tuần anh S về nhà, đến đầu tuần anh S lại đi. Các tài liệu mà Tòa án gửi cho anh S do bà nhận thay thì bà đều thông báo và đưa lại cho anh S, nhưng lý do anh S không đến Tòa án thì bà không biết.

Xác minh tại UBND xã SC, huyện PT, Thành phố Hà Nội, được biết: Anh Bùi Đức S là con trai của ông Bùi Văn G và bà Nguyễn Thị B. Trước đây gia đình bà B, ông G sống tại xã Th Kh, huyện Th S, tỉnh PT, đến năm 2014 gia đình bà B về sinh sống ở Cụm 1, xã SC, huyện PT từ đó đến nay. Theo gia đình bà B cho biết thì anh S đi làm ở Hà Nội, cuối tuần mới về nhà, anh S làm gì ở đâu địa phương không biết. Thời gian vợ chồng anh S, chị M còn sống chung cùng nhau nhưng không sinh sống ở xã SC nên địa phương không biết mâu thuẫn của vợ chồng anh S. Cũng theo bà B cho biết thì hiện nay vợ chồng anh S đã sống ly thân nhau và anh S đang sống chung cùng gia đình bà B tại Cụm 1, xã SC, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Ngọc M kiên quyết xin được ly hôn anh Bùi Đức S vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung, chị đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Trần Thị Ngọc M và anh Bùi Đức S được ly hôn. Về con chung giao cháu Bùi Đức Huy H và cháu Bùi Yến N cho chị M nuôi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có quyền nghĩa vụ thăm non con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ: Không có.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã giao các Văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Bùi Đức S, nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh S đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và không hoà giải được. Vì vậy, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện PT ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Đức S.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Bùi Đức S kết hôn hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th Kh, huyện TS, tỉnh PT vào ngày 28/02/2013. Quá trình sống chung, chị M và anh S đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị M thì do anh S không có công việc làm, thường chơi bời lêu lổng, ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều nên đã nhiều lần anh S mang xe máy, điện thoại của chị đi cầm cố, không những thế nhiều lần anh S còn đe dọa, đánh đập chị M nên vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2016. Theo mẹ đẻ anh S thì do anh S đi uống rượu về muộn, chị M không mở cửa nên anh S phải đi ngủ nhờ nhà bạn, chị M sống đối xử hỗn láo với bà và anh S nên chị M không xứng đáng là dâu con trong gia đình bà.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị M kiên quyết xin ly hôn anh S vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Phía anh S vắng mặt nhưng theo lời khai của bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ anh S xác nhận chị M và anh S sống chung đã xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Theo các tài liệu mà chị M cung cấp có xác nhận của các nhân viên bảo vệ và hàng xóm nơi chị M ở xác nhận: Có sự việc anh S đến nơi ở của chị M để đe dọa, đánh đập chị M. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc M và anh Bùi Đức S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị M được ly hôn anh S.

- Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Bùi Đức S có 02 con chung là Bùi Đức Huy H, sinh ngày 23/8/2013 và Bùi Yến N, sinh ngày 22/6/2015. Nguyên vọng của chị M được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu H và cháu N đang sống chung cùng chị M. Theo xác nhận của Trường mầm non An Tiên thì cháu Bùi Yến N đang học lớp mầm non 4 tuổi Trường mầm non An Tiên, cháu N phát triển tốt về mọi mặt, đi học đầy đủ, tham gia mọi hoạt động của trường và lớp. Cũng theo xác nhận của Trường tiểu học CN 2B thì cháu Bùi Đức Huy H hiện đang học lớp 1A3 Trường tiểu học CN 2B là một học sinh tốt, chăm ngoan, học giỏi và khỏe mạnh, đi học đầy đủ, tham gia mọi hoạt động của trường và lớp. Đối với chị Trần Thị Ngọc M hiện đang là Giám đốc Công ty TNHH xây dựng nội thất, có thu nhập ổn định 20.000.000đ/ tháng. Đối với anh Bùi Đức S hiện nay sống chung cùng bố mẹ đẻ tại Cụm 1, xã SC, huyện PT, nhưng anh S thường xuyên không có nhà, anh S làm và ở địa chỉ nào gia đình anh S không ai biết. Vì vậy, việc giao cháu H và cháu N cho chị M tiếp tục nuôi là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ: Chị M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp nếu anh S có yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

+ Chị Trần Thị Ngọc M được ly hôn anh Bùi Đức S.

+ Về con chung: Giao cháu Bùi Đức Huy H , sinh ngày 23/8/2013 và Bùi Yến N , sinh ngày 22/6/2015 cho chị M nuôi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ nuôi con chung cho anh Bùi Đức S đến khi có yêu cầu mới hoặc có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Bùi Đức S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Thị Ngọc M xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005909 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Trần Thị Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Bùi Đức S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phỳc Thọ;
- THADS huyện Phỳc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

